

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ  
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/DS-ST  
Ngày: 19-6-2025  
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH QUẢNG NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Đ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thủy và bà Phạm Thị Minh Huyền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2024/TLST - DS ngày 30 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Địa chỉ: số B, phố T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Ngô Thu H là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S). Ông Nguyễn Huy P, ông Hoàng Đức C, ông Nguyễn Văn V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (giấy ủy quyền số 413/UQ-SHB ngày 31/3/2025), ông C, ông Phóc mặt; ông V vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Ngô Hữu Đ, sinh năm xxxx và chị Dương Thị L, sinh năm xxxx; cùng nơi cư trú: tổ B, khu T, phường M, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 9 năm 2024, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 19 tháng 12 năm 2024, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ninh có ký với anh Ngô Hữu Đ và chị Dương Thị L hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số 66A/2023/HĐHM-CN/SHB.110300 ngày 27/5/2023; hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 08/2023/HĐTDTDH-CN/SHB.110300 ngày 18/01/2023 cùng các khế ước nhận nợ kèm theo, nội dung cụ thể như sau:

Hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số 66A/2023/HĐHM-CN/SHB.110300 ngày 27/5/2023: số tiền cho vay 10.000.000.000 đồng; mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng; thời hạn vay tối đa 06 tháng; lãi suất cho vay 11,3%/năm, được điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh bằng (=) lãi suất cơ sở VNĐ tương ứng kỳ hạn vay 06 tháng của SHB tại thời điểm điều chỉnh cộng với (+) biên độ cho vay tối thiểu là 2.8%/năm; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 08/2023/HĐTDTDH-CN/SHB.110300 ngày 18/01/2023: số tiền cho vay 695.000.000 đồng; mục đích vay mua xe ô tô tiêu dùng; thời hạn vay tối đa 60 tháng; lãi suất cho vay 16,2%/năm, được điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh bằng (=) lãi suất cơ sở VNĐ tương ứng kỳ hạn vay 60 tháng của SHB tại thời điểm điều chỉnh cộng với (+) biên độ cho vay tối thiểu là 3.5%/năm; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Để đảm bảo cho toàn bộ khoản vay trên của anh Ngô Hữu Đ và chị Dương Thị L, chị Dương Thị L đã thế chấp các tài sản sau:

Tài sản 1: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 438, tờ bản đồ số 46, địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 478007 do Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện V cấp ngày 01/7/2022 cho chị Dương Thị L, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 158/2022/HĐTC-CN/SHB.110300 ngày 06/7/2022, đăng ký thế chấp ngày 06/7/2022 tại chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện V tỉnh Quảng Ninh.

Tài sản 2: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 439, tờ bản đồ số 46, địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 478008 do UBND huyện V cấp ngày 01/7/2022 cho chị Dương Thị L, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 157/2022/HĐTC-CN/SHB.110300 ngày 06/7/2022, đăng ký thế chấp ngày 06/7/2022 tại chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện V, tỉnh Quảng Ninh.

Tài sản 3: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 171, tờ bản đồ số 35, địa chỉ: tổ M, khu N, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 068259 do UBND thành phố C cấp ngày 20/6/2022 cho chị Dương Thị L, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 148/2022/HĐTC-CN/SHB.110300 ngày 24/6/2022, đăng ký thế chấp ngày 24/6/2022 tại chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Tài sản 4: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 180, tờ bản đồ số 50, địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 310304 do UBND huyện V cấp ngày 20/5/2022 cho chị Dương Thị L, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 135/2022/HĐTC-CN/SHB.110300 ngày 27/5/2022, văn bản sửa đổi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL01-135/2022/HĐTC-CB/SHB.110300 ngày 08/11/2023, đăng ký thế chấp ngày

27/5/2022 tại chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện V, tỉnh Quảng Ninh.

Tài sản 5: xe ô tô tải (Pickup cabin kép) nhãn hiệu Ford Ranger theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 14 xxxxxx, biển số đăng ký: 14C-xxx.xx, do Công an thành phố C, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 17/01/2023 cho chị Dương Thị L, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2023/HĐTC-CN/SHB.110300 ngày 18/01/2023, đăng ký thế chấp ngày 18/01/2023 tại Cục đăng ký giao dịch bảo đảm, Bộ Tư pháp.

Quá trình thực hiện hợp đồng, SHB đã giải ngân cho anh Đ, chị L theo đúng cam kết trong các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký, tổng số tiền là 9.895.000.000 đồng (khế ước nhận nợ số 02 và 03-66A/2023/HĐHM-CN/SHB.110300, tổng số tiền giải ngân là 9.200.000.000 đồng; khế ước nhận nợ số 01-08/2023/HĐTDTDH-CN/SHB.110300, số tiền giải ngân là 695.000.000 đồng). Anh Đ, chị L mới trả cho SHB số tiền nợ: đối với hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số 66A/2023/HĐHM-CN/SHB.110300 ngày 27/5/2023, đã trả nợ gốc là 1.405.458 đồng; đối với hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 08/2023/HĐTDTDH-CN/SHB.110300 ngày 18/01/2023 tổng số tiền đã trả là 291.930.974 đồng, trong đó: nợ gốc là 173.700.000 đồng, lãi là 118.230.974 đồng.

SHB đã nhiều lần đôn đốc anh Đ, chị L trả nợ theo đúng cam kết. Tuy nhiên, anh Đ, chị L không trả nợ đầy đủ cho SHB nên các khoản vay đều đã chuyển nợ quá hạn, cụ thể: khế ước nhận nợ số 02 quá hạn từ ngày 09/5/2024; khế ước nhận nợ số 03 quá hạn từ ngày 10/5/2024; khế ước nhận nợ số 01-08 quá hạn từ ngày 27/02/2024.

Do anh Đ, chị L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên SHB khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau: chấm dứt hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 08/2023/HĐTDTDH-CN/SHB.110300 ngày 18/01/2023 giữa bên cho vay SHB chi nhánh Quảng Ninh và bên vay anh Ngô Hữu Đ, chị Dương Thị L. Buộc anh Đ, chị L phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử 19/6/2025 là 11.595.462.330 đồng, trong đó: nợ gốc 9.719.894.542 đồng; nợ lãi 1.875.567.788 đồng (lãi trong hạn 466.200.488 đồng; lãi quá hạn 1.409.367.300 đồng), cụ thể: số tiền nợ theo hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số 66A/2023/HĐHM-CN/SHB.110300 ngày 27/5/2023 là 11.001.954.484 đồng, trong đó: nợ gốc 9.198.594.542 đồng, lãi trong hạn 466.200.488 đồng, lãi quá hạn 1.337.159.454 đồng; số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 08/2023/HĐTDTDH-CN/SHB.110300 ngày 18/01/2023 là 593.507.846 đồng, trong đó: nợ gốc 521.300.000 đồng, lãi trong hạn 0 đồng, lãi quá hạn 72.207.846 đồng. Đồng thời, rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi phạt chậm trả tạm tính đến ngày 30/5/2025 là 24.204.689 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Đ, chị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số 66A/2023/HĐHM-CN/SHB.110300 ngày 27/5/2023; hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 08/2023/HĐTDTDH-CN/SHB.110300 ngày 18/01/2023, đều ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ninh với anh Ngô Hữu Đ và chị Dương Thị L. Trường hợp anh Đ, chị L không trả được nợ thì SHB có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo các hợp

đồng thể chấp đã ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ninh với chị Dương Thị L.

Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì anh Đ, chị L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho SHB cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay. SHB yêu cầu anh Đ, chị L hoàn trả lại chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà SHB đã nộp.

Tại bản tự khai, bị đơn chị Dương Thị L trình bày: chị và anh Đ là vợ chồng. Anh chị có vay nợ, ký các hợp đồng tín dụng, nhận đầy đủ số tiền theo như hợp đồng đã ký kết; bản thân chị ký các hợp đồng thế chấp tài sản như SHB trình bày là đúng. Chị cũng khẳng định việc khởi kiện của SHB đối với anh chị là đúng; chị trình bày do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chưa trả được nợ, đề nghị SHB cho chị thời gian để trả nợ và giảm toàn bộ tiền lãi cho anh chị.

Bị đơn anh Ngô Hữu Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa... Tuy nhiên, anh Đ đều vắng mặt không có lý do, không trình bày ý kiến, quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 26/02/2025 và ngày 06/3/2025, Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp của chị Dương Thị L theo các hợp đồng thế chấp đã ký kết, kết quả thể hiện:

Đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 438, tờ bản đồ số 46, địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh,, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 478007 do UBND huyện V cấp ngày 01/7/2022 cho chị Dương Thị L, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 158/2022/HĐTC-CN/SHB.110300 ngày 06/7/2022, thể hiện: diện tích thửa đất là 143m<sup>2</sup>; tài sản trên đất: một ngôi nhà mái bằng, mái tôn khung sắt.

Đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 439, tờ bản đồ số 46, địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 478008 do UBND huyện V cấp ngày 01/7/2022 cho chị Dương Thị L, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 157/2022/HĐTC-CN/SHB.110300 ngày 06/7/2022, thể hiện: diện tích thửa đất là 147,2m<sup>2</sup>; tài sản trên đất: một ngôi nhà mái bằng, mái tôn khung sắt.

Đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 180, tờ bản đồ số 50, địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 310304 do UBND huyện Vân Đồn cấp ngày 20/5/2022 cho chị Dương Thị L, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 135/2022/HĐTC-CN/SHB.110300 ngày 27/5/2022, văn bản sửa đổi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL01-135/2022/HĐTC-CB/SHB.110300 ngày 08/11/2023, thể hiện: diện tích thửa đất là 720m<sup>2</sup>; tài sản trên đất: 01 ngôi nhà cấp 4.

Đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 171, tờ bản đồ số 35, địa chỉ: tổ M, khu N, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với

đất số DD 068259 do UBND thành phố C cấp ngày 20/6/2022 cho chị Dương Thị L, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 148/2022/HĐTC-CN/SHB.110300 ngày 24/6/2022, thể hiện: diện tích thửa đất là 100m<sup>2</sup>; tài sản trên đất: một ngôi nhà 3 tầng.

Đối với xe ô tô tải (Pickup cabin kép) nhãn hiệu Ford Ranger theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 14 00xxxx, biển số đăng ký: 14C-xxxxxx, do Công an thành phố C, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 17/01/2023 cho chị Dương Thị L, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2023/HĐTC-CN/SHB.110300 ngày 18/01/2023, thể hiện: số khung: RL2AMFE60NGR36820, số máy: YN2SRNG36820.

Các tài sản thế chấp đều thể hiện vẫn còn nguyên hiện trạng và không có sự thay đổi nào so với thời điểm các bên ký hợp đồng thế chấp.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự; về thẩm quyền: xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng tư cách tổ tụng của các đương sự tham gia tố tụng; về thời hạn chuẩn bị xét xử và các thủ tục tố tụng khác. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tổ tụng dân sự; bị đơn không có mặt theo triệu tập của Tòa án, vi phạm Điều 70, 71 Bộ luật Tổ tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ vào các điều 292, 299, 317, 319, 463, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: chấm dứt hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 08/2023/HĐTDTDH-CN/SHB.110300 ngày 18/01/2023 giữa SHB chi nhánh Quảng Ninh và bên vay anh Ngô Hữu Đ, chị Dương Thị L; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S (SHB), buộc bị đơn anh Ngô Hữu Đ và chị Dương Thị L phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 19/6/2025 là: 11.595.462.330 đồng, trong đó: nợ gốc 9.719.894.542 đồng, lãi trong hạn 466.200.488 đồng; lãi quá hạn 1.409.367.300 đồng và toàn bộ lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên cho đến khi anh Đ, chị L thanh toán hết nợ cho SHB. Trường hợp anh Đ, chị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì SHB có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện về lãi phạt chậm trả mà SHB đã rút.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng tín dụng và bị đơn có nơi cư trú tại tổ 4, khu 8, phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật Tổ tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung tranh chấp: SHB chi nhánh Quảng Ninh và anh Ngô Hữu Đ, chị Dương Thị L đã ký kết hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số 66A/2023/HĐHM-CN/SHB.110300 ngày 27/5/2023; hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 08/2023/HĐTDTDH-CN/SHB.110300 ngày 18/01/2023 cùng các khế ước nhận nợ; ký với chị Dương Thị L các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất: số 157/2022/HĐTC-CN/SHB.110300 ngày 06/7/2022; số 158/2022/HĐTC-CN/SHB.110300 ngày 06/7/2022; số 135/2022/HĐTC-CN/SHB.110300 ngày 27/5/2022, văn bản sửa đổi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL01-135/2022/HĐTC-CB/SHB.110300 ngày 08/11/2023; hợp đồng thế chấp tài sản số 148/2022/HĐTC-CN/SHB.110300 ngày 24/6/2022 và số 04/2023/HĐTC-CN/SHB.110300 ngày 18/01/2023. Xét thấy, giao dịch dân sự giữa SHB với anh Đ, chị L được lập thành văn bản, tại thời điểm ký kết các đương sự có đầy đủ năng lực chủ thể, hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, do đó các giao dịch này có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

Sau khi ký hợp đồng, SHB đã thực hiện đúng nghĩa vụ giải ngân cho anh Đ, chị L vay tổng số tiền là 9.895.000.000 đồng (theo khế ước nhận nợ số 02 và 03-66A/2023/HĐHM-CN/SHB.110300; khế ước nhận nợ số 01-08/2023/HĐTDTDH-CN/SHB.110300). Anh Đ, chị L đã nhận đủ số tiền vay và đã trả SHB số tiền: đối với hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số 66A/2023/HĐHM-CN/SHB.110300 ngày 27/5/2023, đã trả nợ gốc là 1.405.458 đồng; đối với hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 08/2023/HĐTDTDH-CN/SHB.110300 ngày 18/01/2023 tổng số tiền đã trả là 291.930.974 đồng, trong đó: nợ gốc là 173.700.000 đồng, lãi là 118.230.974 đồng. Sau đó, anh Đ, chị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn cho SHB như đã thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay, do đó các khoản vay phát sinh lãi trong hạn, lãi quá hạn, cụ thể:

Đối với khoản vay theo hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số 66A/2023/HĐHM-CN/SHB.110300 ngày 27/5/2023: theo khế ước nhận nợ số 02-66A/2023/HĐHM-CN/SHB.110300, số tiền giải ngân là 5.200.000.000 đồng, nợ gốc đã trả là 1.405.458 đồng, từ ngày 09/5/2024 anh Đ, chị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho SHB nên khoản vay phát sinh lãi trong hạn từ ngày 08/11/2023 đến ngày 08/5/2024 là 263.504.646 đồng, lãi quá hạn từ ngày 09/5/2024 đến ngày 19/6/2025 là 756.523.832 đồng; theo khế ước nhận nợ số 03-66A/2023/HĐHM-CN/SHB.110300, số tiền giải ngân 4.000.000.000 đồng, từ ngày 10/5/2024 anh Đ, chị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho SHB nên khoản vay phát sinh lãi trong hạn từ ngày 09/11/2023 đến ngày 09/5/2024 là 202.695.842 đồng, lãi quá hạn từ ngày 10/5/2024 đến ngày 19/6/2025 là 580.635.622 đồng.

Đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 08/2023/HĐTDTDH-CN/SHB.110300 ngày 18/01/2023; khế ước nhận nợ số 01-08/2023/HĐTDTDH-CN/SHB.110300: số tiền giải ngân 695.000.000 đồng, từ ngày 31/7/2024, anh Đ, chị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho SHB (trước đó anh Đ, chị L đã vi phạm thời hạn trả nợ vào ngày 27/02/2024), nên khoản vay phát sinh lãi trong hạn từ ngày 18/01/2023 đến ngày 26/02/2024 là 117.292.613 đồng (đã trả hết

tính đến ngày 31/7/2024, nên không còn nợ lãi trong hạn); lãi quá hạn từ ngày 27/02/2024 đến ngày 19/6/2025 là 72.207.846 đồng.

Anh Đ, chị L không trả nợ cho SHB, đã vi phạm khoản 5.1 Điều 5; khoản 6.1 Điều 6 về trả nợ gốc lãi vay; Điều 7; Điều 8 của các hợp đồng tín dụng đã ký kết, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên SHB khởi kiện yêu cầu anh Đ, chị L phải trả toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo các hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên, là phù hợp có căn cứ theo quy định của Bộ luật Dân sự và Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi phạt chậm trả tạm tính đến ngày 30/5/2025 là 24.204.689 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận để đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất: số 157/2022/HĐTC-CN/SHB.110300 ngày 06/7/2022; số 158/2022/HĐTC-CN/SHB.110300 ngày 06/7/2022; số 135/2022/HĐTC-CN/SHB.110300 ngày 27/5/2022, văn bản sửa đổi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL01-135/2022/HĐTC-CB/SHB.110300 ngày 08/11/2023; số 148/2022/HĐTC-CN/SHB.110300 ngày 24/6/2022 và hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2023/HĐTC-CN/SHB.110300 ngày 18/01/2023 được ký giữa SHB chi nhánh Quảng Ninh với bà Dương Thị L, là hoàn toàn tự nguyện, được chứng nhận bởi cơ quan công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Quá trình xem xét, thẩm định đối với các tài sản thế chấp thể hiện: diện tích tại các thửa đất và tài sản trên đất, xe ô tô tải biển số đăng ký: 14C-xxx.xx, không thay đổi so với thời điểm các bên ký hợp đồng thế chấp.

Căn cứ Điều 1 về tài sản thế chấp; Điều 2 về nghĩa vụ được bảo đảm; Điều 5 của các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất; hợp đồng thế chấp tài sản; khoản 1 Điều 3 của các hợp đồng tín dụng đã ký kết, do anh Đ, chị L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của các hợp đồng tín dụng nêu trên, nên yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của SHB phù hợp với quy định tại các điều 298, 299, 317, 319, 320 Bộ luật Dân sự.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần S (SHB) yêu cầu bị đơn phải hoàn trả lại tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp. Xét thấy, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của SHB như đã phân tích ở trên, do đó cần buộc bị đơn phải hoàn trả lại tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà nguyên đơn đã nộp.

[5] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S (SHB) được chấp nhận nên bị đơn anh Ngô Hữu Đ, chị Dương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S (SHB) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 2 Điều 227; khoản 2, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 117, 298, 299, 317, 319, 320, 357, 398, 422, 463; khoản 1 Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 27; khoản 1, 2, 4 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Điều 7; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi phạt chậm trả tạm tính đến ngày 30/5/2025 là 24.204.689đ (*hai mươi bốn triệu hai trăm linh bốn nghìn sáu trăm tám mươi chín đồng*).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần S

Chấm dứt hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 08/2023/HĐTDTDH-CN/SHB.110300 ngày 18/01/2023 giữa SHB chi nhánh Quảng Ninh và bên vay anh Ngô Hữu Đ, chị Dương Thị L.

Buộc bị đơn anh Ngô Hữu Đ, chị Dương Thị L phải liên đới trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 19/6/2025 là: 11.595.462.330đ (*mười một tỷ, năm trăm chín mươi lăm triệu, bốn trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm ba mươi đồng*), trong đó: nợ gốc 9.719.894.542 đồng, nợ lãi 1.875.567.788 đồng (lãi trong hạn 466.200.488 đồng; lãi quá hạn 1.409.367.330 đồng), cụ thể:

Số tiền nợ theo hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số 66A/2023/HĐHM-CN/SHB.110300 ngày 27/05/2023 là 11.001.954.484đ (*mười một tỷ, không trăm linh một triệu, chín trăm năm mươi tư nghìn bốn trăm tám mươi tư đồng*), trong đó: nợ gốc 9.198.594.542 đồng; lãi trong hạn 466.200.488 đồng; lãi quá hạn 1.337.159.454 đồng.

Số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 08/2023/HĐTDTDH-CN/SHB.110300 ngày 18/01/2023 là 593.507.846đ (*năm trăm chín mươi ba triệu, năm trăm linh bảy nghìn, tám trăm bốn mươi sáu đồng*), trong đó: nợ gốc 521.300.000 đồng; lãi trong hạn 0 đồng; lãi quá hạn 72.207.846 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/6/2025) cho đến khi thi hành án xong, anh Ngô Hữu Đ, chị Dương Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thoả thuận trong hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số 66A/2023/HĐHM-CN/SHB.110300 ngày 27/5/2023; hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 08/2023/HĐTDTDH-CN/SHB.110300 ngày 18/01/2023, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ninh và anh Ngô Hữu Đ, chị Dương Thị L, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.



Trường hợp anh Ngô Hữu Đ, chị Dương Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là:

Toàn bộ quyền sử dụng diện tích đất 143m<sup>2</sup>, được giới hạn bởi các điểm 123451 và tài sản gắn liền với đất là một ngôi nhà mái bằng, mái tôn khung sắt, thuộc thửa đất số 438, tờ bản đồ số 46, địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 478007 do UBND huyện V cấp ngày 01/7/2022 cho chị Dương Thị L, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 158/2022/HĐTC-CN/SHB.110300 ngày 06/7/2022 và hiện trạng tài sản thế chấp theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 26/02/2025 (có sơ đồ kèm theo).

Toàn bộ quyền sử dụng diện tích đất 147,2m<sup>2</sup>, được giới hạn bởi các điểm 12341 và tài sản gắn liền với đất là một ngôi nhà mái bằng, mái tôn khung sắt, thuộc thửa đất số 439, tờ bản đồ số 46, địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 478008 do UBND huyện V cấp ngày 01/7/2022 cho chị Dương Thị L, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 157/2022/HĐTC-CN/SHB.110300 ngày 06/7/2022 và hiện trạng tài sản thế chấp theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 26/02/2025 (có sơ đồ kèm theo).

Toàn bộ quyền sử dụng diện tích đất 720m<sup>2</sup>, được giới hạn bởi các điểm 12341 và tài sản gắn liền với đất là một ngôi nhà cấp 4, thuộc thửa đất số 180, tờ bản đồ số 50, địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 310304 do UBND huyện V cấp ngày 20/5/2022 cho chị Dương Thị L, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 135/2022/HĐTC-CN/SHB.110300 ngày 27/5/2022, văn bản sửa đổi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL01-135/2022/HĐTC-CB/SHB.110300 ngày 08/11/2023 và hiện trạng tài sản thế chấp theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 26/02/2025 (có sơ đồ kèm theo).

Toàn bộ quyền sử dụng diện tích đất 100m<sup>2</sup>, được giới hạn bởi các điểm 12341 và tài sản gắn liền với đất là một ngôi nhà 3 tầng, thuộc thửa đất số 171, tờ bản đồ số 35, địa chỉ: tổ M, khu N, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 068259 do UBND thành phố C cấp ngày 20/6/2022 cho chị Dương Thị L, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 148/2022/HĐTC-CN/SHB.110300 ngày 24/6/2022 và hiện trạng tài sản thế chấp theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 06/3/2025 (có sơ đồ kèm theo).

01 (một) xe ô tô tải (Pickup cabin kép) nhãn hiệu Ford Ranger theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 14 00xxxx, biển số đăng ký: 14C-xxx.xx, số khung: RL2AMFE60NGR36820, số máy: YN2SRNG36820, do Công an thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 17/01/2023 cho chị Dương Thị L, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2023/HĐTC-CN/SHB.110300 ngày 18/01/2023 và hiện trạng tài sản thế chấp theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 06/3/2025 (có số khung, số máy kèm theo).

Trong trường hợp số tiền thu hồi được từ tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì anh Ngô Hữu Đ, chị Dương Thị L còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản tiền vay.

**3. Về chi phí tố tụng:** buộc anh Ngô Hữu Đ, chị Dương Thị L phải hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, số tiền là 35.400.000đ (*ba mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**4. Về án phí:** bị đơn anh Ngô Hữu Đ, chị Dương Thị L phải chịu 119.595.462đ (*một trăm mười chín triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 59.457.496đ (*năm mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm chín mươi sáu đồng*), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000801 ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

**5. Về quyền kháng cáo:** nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Thu Đông**





